

**TÒA ÁN N DÂN
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

Số: **94/2023/HS-ST**
Ngày 20/09/2023

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**N DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN N DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phan Vĩnh Chuyển**

Các Hội thẩm N dân: Ông **Nguyễn Minh**
Bà **Đặng Thị Liễu**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Vũ Tùng Lâm** – Thư ký Tòa án N dân thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát N dân thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông **Nguyễn Sơn** - Kiểm sát viên trung cấp.

Ngày 20 tháng 09 năm 2023, tại trụ sở Tòa án N dân thành phố Đà Nẵng mở phiên tòa xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 92/2023/TLST-HS ngày 31 tháng 08 năm 2023 đối với các bị cáo:

1. Cao Minh T, sinh ngày 15/12/1989 tại Đà Nẵng; Nơi ĐKNKTT và nơi cư trú: Tổ xx, phường H, quận L, TP Đà Nẵng; Nghề nghiệp: Lao động phổ thông; Trình độ học vấn: 11/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Con ông Cao Ngọc L và bà Đặng Thị B (*đều còn sống*); Có vợ là Trần Thị Thanh L và có 03 con (*lớn nhất sinh năm xxxx nhỏ nhất sinh năm xxxx*); Tiền án: Không;

Tiền sự:

- Ngày 13/02/2017 bị Công an quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng xử phạt vi phạm hành chính với số tiền 750.000đ (*Bảy trăm năm mươi ngàn đồng*) về hành vi ném đồ vật vào người khác (*Quyết định số: 17/QĐ-XPVPHC do chưa thi hành quyết định*).

- Ngày 31/8/2020 bị Công an quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng xử phạt vi phạm hành chính với số tiền 2.500.000đ (*Hai triệu, năm trăm ngàn đồng*) về hành vi có lời nói lăng mạ, xúc phạm danh dự, N phẩm người thi hành công vụ. (*QĐ số 70/QĐ-XPHC – Chấp hành ngày 05/9/2020*).

- Ngày 30/9/2020 bị công an quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng xử phạt vi phạm hành chính với số tiền 3.500.000đ (*Ba triệu, năm trăm ngàn đồng*) về hành vi: nhận cầm cố tài sản đó phải có giấy tờ sở hữu nhưng không có các loại giấy tờ đó. (*QĐ số: 56/QĐ-XPHC – Chấp hành ngày 05/10/2020*).

Ngày 07/9/2020 bị Tòa án N dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng ra Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc thời hạn 01 (một) năm. (QĐ số: 89/QĐTA - Chấp hành xong ngày 17/7/2021).

Về N thân: Ngày 15/9/2014 bị Tòa án N dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng xử phạt 06 (sáu) tháng tù về tội “Bắt, giữ người trái pháp luật” và 12 (mười hai) tháng tù về tội “Cưỡng đoạt tài sản” khoản 1 Điều 123 và khoản 1 Điều 135 BLHS năm 1999. Tổng hợp hình phạt chung cho 02 tội là: 18 (mười tám) tháng tù. (Bản án số: 64/2014/HSST- Đã chấp hành xong bản án và được xóa án tích).

Bị bắt tạm giam tạm giữ vào ngày 20/3/2023. Bị cáo hiện đang tạm giam. Có mặt tại phiên tòa.

2. **Hồ Phước N**, sinh ngày 07/01/1994 tại: Đà Nẵng; Nơi ĐKNKTT và nơi cư trú: Tổ xx, phường Hòa M, quận L, TP Đà Nẵng; Nghề nghiệp: Lao động phổ thông; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Con ông Hồ Minh N (chết) và bà Nguyễn Thị H (còn sống); Chưa có vợ, con. Tiền án, Tiền sự: Không.

Về N thân: Ngày 28/02/2020 bị Tòa án N dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng ra Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc thời hạn 12 tháng. (QĐ số: 15/QĐTA - Chấp hành xong ngày 02/12/2020).

Bị bắt tạm giữ, tạm giam vào ngày 20/03/2023. Bị cáo hiện đang tạm giam. Có mặt tại phiên tòa.

* *Người bào chữa cho bị cáo Cao Minh T*: Bà **Lê Thị Mai H**- Luật sư Công ty luật TNHH MTV Tân Hưng Thịnh thuộc Đoàn luật sư thành phố Đà Nẵng theo yêu cầu của Tòa án. Có mặt.

* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

1/ Bà **Nguyễn Thị H**, sinh năm xxxx; Nơi cư trú: Tổ xx phường Hòa M, quận L, TP Đà Nẵng. Vắng mặt.

2/ Bà **Trần Thị Thanh L**, sinh năm xxxx; Nơi cư trú: Tổ xx phường H, quận L, TP Đà Nẵng. Có mặt.

* *Người làm chứng*:

1/ Ông **Huỳnh C**, sinh năm xxxx; Nơi cư trú: Tổ xx, phường H, quận L, TP Đà Nẵng. Vắng mặt.

2/ Ông **Đoàn Văn S**, sinh năm xxxx; Nơi cư trú: Tổ xx phường Hòa M, quận L, TP Đà Nẵng Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Căn cứ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án; căn cứ quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau.

Vào lúc 16h00 ngày 20/3/2023, tại số nhà xxx đường Phạm Đình H, phường Hòa M, quận L, thành phố Đà Nẵng, Đội CSĐT tội phạm về ma túy Công an quận

Liên Chiêu, thành phố Đà Nẵng phối hợp với Công an phường Hòa M, quận L, thành phố Đà Nẵng T1hành kiểm tra hành chính nhà bà Nguyễn Thị H (là mẹ của Hồ Phước N). Qua kiểm tra trên phòng ngủ tầng 02 (hai) của Hồ Phước N phát hiện bắt quả tang Hồ Phước N có hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy.

* *Tang vật tạm giữ gồm:* 01(một) gói nilong KT (3x3,5) cm bên trong chứa các tinh thể màu trắng nghi là ma túy. (**Ký hiệu A**); 01(một) điện thoại di động hiệu OPPO Reno 3 vỡ màn hình số Imeil 1: 860202042351636; 01 (một) điện thoại hiệu NOKIA số Imeil 1: 355776109091468 và số Imeil 2: 355776109591467 gắn sim số 0934808610 và 01(một) bình nhựa màu vàng có gắn ống hút và nỏ thủy tinh.

Ngày 20/3/2023, Cơ quan CSĐT Công an quận Liên Chiêu, thành phố Đà Nẵng đã T1hành giữ người trong trường hợp khẩn cấp đối với Cao Minh T và khám xét khẩn cấp nơi ở của Cao Minh T tại tổ xx, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng.

* *Tang vật tạm giữ gồm:* 01(một) bao nilong màu hồng bên trong có 03 (ba) gói nilong có chứa các tinh thể màu trắng nghi là ma túy. (**Ký hiệu G**);

+ 02(hai) cân tiểu ly màu đen, màu trắng; 01(một) bao nilong có KT (9x13) cm bên trong có chứa 10 (mười) bao nilong rỗng; 01(một) hộp được bọc da màu đen bên trong có chứa 01(một) nỏ thủy tinh, 01 (một) ống hút bằng nhựa và 01 nắp nhựa màu xanh; 01 (một) căn cước công dân mang tên Cao Minh T; Số tiền 1.600.000 đồng (Một triệu, sáu trăm ngàn đồng) và 01(một) ví da bên trong có số tiền 2.700.000 đồng (Hai triệu, bảy trăm ngàn đồng)

Qua điều tra xác định:

Vào khoảng tháng 11/2022, thông qua mối quan hệ xã hội Cao Minh T liên hệ với 01(một) đối tượng tên T1(không rõ N thân, lai lịch) hỏi mua ma túy, hai bên thỏa thuận số tiền mua ma túy là 32.000.000đ (Ba mươi hai triệu đồng) và hẹn đến khu vực cầu T, phường Đ, thị xã Đ1, tỉnh Quảng N để thực hiện việc mua bán. Sau đó, Cao Minh T bắt xe grap đến điểm hẹn đưa tiền và nhận ma túy mang về nhà (tại: Tổ xx, phường H, quận L, TP Đà Nẵng) cất giấu nhằm mục đích vừa sử dụng vừa mua bán.

Vào lúc 09 giờ 47 phút ngày 20/3/2023, Hồ Phước N sử dụng điện thoại số 093480xxxx liên hệ với số điện thoại 093252xxxx của Cao Minh T hỏi mua 01(một) gói ma túy, Cao Minh T đồng ý bán với giá 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) và hẹn Hồ Phước N đến nhà Cao Minh T để đưa ma túy. Sau đó, Hồ Phước N điều khiển xe mô tô (không nhớ BKS) mượn của một đối tượng tên Long (không rõ N thân lai lịch) đi đến nhà Cao Minh T thì Cao Minh T đưa cho Hồ Phước N 01(một) gói nilong nhỏ bên trong chứa ma túy đá. Đến 14 giờ cùng ngày, Hồ Phước N mang gói ma túy về cất giấu tại phòng ngủ của Hồ Phước N tại (tầng 2 số nhà số nhà xxx đường Phạm

Đình H, phường Hòa M, quận L, thành phố Đà Nẵng) nhằm mục đích sử dụng nhưng N chưa kịp sử dụng thì bị bắt quả tang.

*Tại Kết luận giám định số: 260/KL-KTHS ngày 28/03/2023 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an thành phố Đà Nẵng kết luận:

- Mẫu chất tinh thể rắn màu trắng trong phong bì niêm phong (**ký hiệu G**) gửi giám định là ma túy, loại Methamphetamine, khối lượng mẫu **G** là: **52,550 gam**.

Tại kết luận giám định số: 260/KL-KTHS ngày 28/03/2023 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an thành phố Đà Nẵng kết luận:

- Chất tinh thể rắn màu trắng trong mẫu niêm phong (**ký hiệu A**) gửi giám định là ma túy, loại Methamphetamine, khối lượng mẫu **A** là: **0,181 gam**.

Quá trình điều tra ban đầu Hồ Phước N thừa nhận mua ma túy của Cao Minh T nhưng sau đó Hồ Phước N và Cao Minh T không thừa nhận hành vi mua bán.

Với nội dung trên; Tại Bản cáo trạng số: 110/CT-VKSĐN-P1 ngày 28/08/2023 của Viện kiểm sát N dân thành phố Đà Nẵng đã truy tố bị cáo Cao Minh T về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 251 Bộ luật Hình sự và truy tố bị cáo Hồ Phước N về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự.

Mặc dù, trong quá trình điều tra các bị cáo Cao Minh T và Hồ Phước N thay đổi lời khai không thừa nhận hành vi mua bán trái phép chất ma túy; Tuy nhiên, tại phiên tòa sơ thẩm các bị cáo T, N khai nhận hành vi mua bán trái phép chất ma túy phù hợp với nội dung bản cáo trạng truy tố, đồng thời thừa nhận Bản cáo trạng số: 110/CT-VKSĐN-P1 ngày 28/08/2023 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng đã truy tố đối với bị cáo là đúng pháp luật, các bị cáo xin HĐXX xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt, để cải tạo tốt, sớm được đoàn tụ với gia đình.

- Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo Cao Minh T về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 251 Bộ luật Hình sự và bị cáo Hồ Phước N về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự.

Trên cơ sở phân tích, đánh giá tính chất mức độ nguy hiểm và hậu quả do hành vi phạm tội của bị cáo Cao Minh T và Hồ Phước N gây ra; căn cứ vào các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và N thân của bị cáo. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị HĐXX như sau:

+ *Về tội danh*: Tuyên bố bị cáo Cao Minh T phạm tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” và bị cáo Hồ Phước N phạm tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”.

Về hình phạt:

Căn cứ điểm b khoản 3 Điều 251, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS xử phạt bị cáo Cao Minh T từ 16 (*mười sáu*) năm tù đến 17 (*mười bảy*) năm tù.

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS xử phạt bị cáo Hồ Phước N từ 02 (hai) năm đến 03 (ba) năm tù.

Hình phạt bổ sung: Căn cứ khoản 5 các điều 251 và Điều 249 BLHS phạt tiền bị cáo Cao Minh T từ 20.000.000đ (*Hai mươi triệu đồng*) đến 30.000.000đ (*Ba mươi triệu đồng*) và bị cáo Hồ Phước N từ 10.000.000đ (*Mười triệu đồng*) đến 20.000.000đ (*Hai mươi triệu đồng*) để sung vào ngân sách Nhà nước.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 BLHS và Điều 106 BLTTHS xử lý như đã đề cập trong nội dung Bản cáo trạng truy tố theo quy định của pháp luật.

Luật sư Lê Thị Mai H người bào chữa cho bị cáo Cao Minh T có quan điểm luận cứ bào chữa như sau: Thống nhất về tội danh, điểm, khoản và Điều luật của Bản cáo trạng số: 110/CT-VKS-P1 ngày 28/8/2023 của VKS N dân thành phố Đà Nẵng truy tố bị cáo Cao Minh T là đúng pháp luật, nên không có tranh luận về mặt tội danh. Tuy nhiên, luật sư cho rằng về mức hình phạt mà đại diện VKS đề nghị HĐXX áp dụng cho bị cáo T tại phiên tòa là có nghiêm khắc, nên đề nghị HĐXX khi quyết định hình cần áp dụng các tình tiết giảm nhẹ như tại phiên tòa thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, gia đình bị cáo có khó khăn thuộc diện hộ cận nghèo, có 03 (*ba*) con còn nhỏ, cha mẹ già yếu, Vì vậy, luật sư đề nghị HĐXX xem xét cho bị cáo một mức hình phạt phù hợp dưới mức thấp nhất mà đại diện VKS đề nghị nhằm thể hiện tính N đạo pháp luật XHCN.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1]. *Về thủ tục tố tụng:* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (*Nguyễn Thị H*) vắng mặt tại phiên tòa, tuy nhiên xét việc vắng mặt của đương sự không ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án, Do đó căn cứ Điều 292 BLTTHS, HĐXX T1 hành xét xử vụ án theo luật định.

[2] Về tính hợp pháp của hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố: Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo, luật sư bào chữa và những người tham gia tố tụng khác không ai có ý kiến, khiếu nại gì về hành vi, quyết định của các cơ quan Tiến hành tố tụng, người Tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan Tiến hành tố tụng, người Tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[3]. Về hành vi phạm tội của các bị cáo: Qua xem xét lời khai của các bị cáo trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, quan điểm luận tội của đại diện VKS

tham gia phiên tòa, luận cứ bào chữa của luật sư người bào chữa cho bị cáo T, lời khai của người có liên quan, người làm chứng, biên bản bắt người phạm tội quả tang, giữ người trong trường hợp khẩn cấp, các vật chứng thu giữ được; Kết luận giám định về ma túy cũng như các tài liệu, chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để xác định:

[3.1] **Về hành phạm tội mua bán trái phép chất ma túy của bị cáo Cao Minh T:** Cao Minh T là đối tượng nghiện ma túy, vì vậy, với mục đích vừa có ma túy sử dụng và để bán, tháng 11/2022 thông qua mạng xã hội, bị cáo liên hệ với một đối tượng tên T1(không rõ N thân lai lịch) hỏi mua ma túy và được T1 đồng ý, hai bên thỏa thuận với số tiền mua ma túy là 32.000.000đ (*Ba mươi hai triệu đồng*) và hẹn giao dịch tại khu vực cầu T, phường Đ, thị xã Đ1, tỉnh Quảng N để thực hiện việc mua bán. Theo thỏa thuận và điểm hẹn, bị cáo T bắt xe grap đến điểm hẹn và giao tiền nhận ma túy mang về nhà ở của mình tại Tổ xx, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng cất giấu; Khoảng 09 giờ 47 phút ngày 20/3/2023, Hồ Phước N điện thoại cho bị cáo hỏi mua 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) ma túy và bị cáo đồng ý bán và hẹn đến nhà để giao dịch nhận ma túy, tại đây bị cáo đưa cho N một gói ma túy đá sau đó N mang về nhà của mẹ mình cất giấu nhằm mục đích sử dụng, nhưng khi chưa kịp sử dụng thì bị lực lượng Công an kiểm tra hành chính bắt quả tang, thu giữ vật chứng là ma túy; Căn cứ từ lời khai của Hồ Phước N, cùng ngày Cơ quan điều tra Công an quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng T1hành bắt giữ bị cáo và khám xét nơi ở của bị cáo thu giữ nhiều vật chứng. (*Trong đó xác định có 03 (ba) gói ni long chứa các tinh thể rắn màu trắng nghi là ma túy ký hiệu G*)

Tại bản kết luận giám định số: 258/KL-KTHS ngày 28/3/2023 của Phòng KTHS Công an thành phố Đà Nẵng kết luận mẫu (*ký hiệu G*) giữ giám định là ma túy loại Methamphetamine có khối lượng là **52,550 gam**.

[3.2] **Về hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy của Hồ Phước N:** Bị cáo N cũng là đối tượng nghiện ma túy, do vậy, để có ma túy sử dụng cho mục đích bản thân; Khoảng 09 giờ 47 phút ngày 20/3/2023 bị cáo sử dụng điện thoại di động liên hệ mua của bị cáo T 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) ma túy đá và được T đồng ý bán và giao dịch tại nhà ở của T; Sau khi nhận gói ma túy từ T bán tại tổ xx, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng mang về cất giấu tại phòng ngủ tầng nhà mẹ ruột của mình là bà Nguyễn Thị H tại số xxx đường Phạm Đình H, phường Hòa M, quận L, thành phố Đà Nẵng chưa kịp sử dụng thì bị lực lượng Công an kiểm tra hành chính phát bắt quả tang, thu giữ vật chứng với khối lượng ma túy bị cáo tàng trữ để sử dụng là: **0,181gam** loại Methamphetamine.

[4] Như vậy, hành vi phạm tội của các bị cáo nêu tại tiểu mục [3.1] và [3.2] là đủ các yếu tố cấu thành tội "*Mua bán trái chất ma túy*" theo quy định tại Điều 251

BLHS đối với bị cáo Cao Minh T và tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” quy định tại Điều 249 BLHS đối với bị cáo Hồ Phước N.

[4.1] Xét thấy, loại ma túy đá Methamphetamine bị cáo Cao Minh T cất giấu để mua bán có khối lượng 52,550 gam và Hồ Phước N tàng trữ sử dụng 0,181 gam là tình tiết định khung hình phạt quy định tại điểm b khoản 3 Điều 251 BLHS đối với Cao Minh T và điểm c khoản 1 Điều 249 BLHS đối với Hồ Phước N; Do đó bản cáo trạng số: 110/CT-VKS-P1 của VKS N dân thành phố Đà Nẵng đã truy tố đối với các bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không oan.

[5]. Xét tính chất của vụ án, mức độ hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và việc quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử xét thấy:

[5.1] Hành vi phạm tội của bị cáo Cao Minh T là thuộc trường hợp đặt biệt nghiêm trọng, và Hồ Phước N thuộc trường hợp nghiêm trọng bởi lẽ: Ma túy là loại độc dược gây nghiện do nhà nước độc quyền quản lý, vì vậy nhà nước ta nghiêm cấm mọi hành vi tàng trữ, mua bán, vận chuyển...các chất ma túy dưới bất cứ hình T nào đều bị pháp luật trừng trị và xử lý tùy theo tính chất, mức độ do hành vi trái pháp luật đó gây ra, các bị cáo T, N đều nhận T được điều đó, song để có tiền và có ma túy sử dụng cho nhu cầu mục đích của bản thân các bị cáo đã bất chấp sự trừng trị của pháp luật lén lút thực hiện hành vi mua bán trái phép chất ma túy. Hành vi phạm tội của các bị cáo đã xâm phạm đến chế độ quản lý độc quyền của nhà nước ta về các chất ma túy, đồng thời còn gây ra ảnh hưởng rất xấu đến tình hình trật tự trị an xã hội trên địa bàn thành phố, nên việc các cơ quan T1hành tố tụng bắt khởi tố, điều tra, truy tố các bị cáo ra trước pháp luật để xử lý răn đe đối với các bị cáo và phòng chung cho xã hội là cần thiết.

[5.2] *Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:* Trong vụ án này cả hai đều không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 52 BLHS.

[5.3] *Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:* Mặc dù trong quá trình điều tra, truy tố các bị cáo còn khai báo quanh co, né tránh về hành vi phạm tội của mình; Tuy nhiên, tại phiên tòa các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, hoàn cảnh gia đình của bị cáo T có khó khăn, có 03 (ba) con còn nhỏ, cha mẹ già yếu, đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS để áp dụng cho bị cáo T, riêng bị cáo N không áp dụng khoản 2 Điều 51 BLHS khi quyết định hình phạt đối với các bị cáo.

[5.4] *Về quyết định hình phạt:*

[5.4.1] Đối với bị cáo T phạm tội thuộc trường hợp đặc biệt nghiêm trọng, có khung hình phạt từ 15 năm đến 20 năm tù, nhân thân bị cáo xấu, đã 04(bốn) lần bị xử lý hành chính, 01 (một) lần bị Tòa án xét xử về 02 tội “*Bắt giữ người trái pháp luật*” và tội “*Cưỡng đoạt tài sản*” với mức hình phạt chung 18 (mười tám) tháng tù, nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học để tự tu dưỡng bản thân, làm người công dân tốt mà

còn tiếp tục phạm tội đặt biệt nghiêm trọng; Vì vậy đối với bị cáo cần có mức hình phạt nghiêm khắc tiếp tục cách ly bị cáo ra ngoài xã hội một thời gian dài mới đủ sức răn đe, giáo dục riêng đối với bị cáo và phòng ngừa chung;

[5.4.2] Đối với bị cáo N phạm tội thuộc trường hợp nghiêm trọng có khung hình phạt tù từ 01 (một) năm đến 05 (năm) năm, tuy phạm tội lần đầu nhưng có N thân không tốt, đã 01 (một) lần bị Tòa án ra Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, nhưng sau khi chấp hành xong quyết định về lại địa phương tiếp tục tái nghiện và phạm tội nghiêm trọng, nên đối với bị cáo cũng cần xử phạt nghiêm đồng thời cũng cách ly bị cáo ra ngoài xã hội một thời gian nhất định để răn đe, giáo dục bị cáo như đề nghị của đại diện VKS tham gia phiên tòa là phù hợp.

[6] Xét luận cứ bào chữa của Luật sư người bào chữa cho bị cáo T tại phiên tòa về việc đề nghị HĐXX áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS là có căn cứ như nhận định tại tiểu mục [5.3] nêu trên nên HĐXX ghi nhận, tuy nhiên việc luật sư đề nghị áp dụng cho bị cáo T mức hình phạt tù dưới mức thấp nhất của đại diện VKS đề nghị là không phù hợp nên không chấp nhận.

[7] Về hình phạt bổ sung: Tại phiên tòa đại diện VKS đề nghị HĐXX áp dụng khoản 5 các điều 251 và 249 BLHS phạt tiền bổ sung đối với bị cáo Cao Minh T từ 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng) đến 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng) và bị cáo Hồ Phước N từ 10.000.000đ (Mười triệu đồng) đến 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng) để sung vào ngân sách nhà nước, xét đề nghị này của đại diện VKS là có căn cứ nên ghi nhận; Do đó HĐXX phạt tiền bổ sung bị cáo T 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng) và bị cáo N 10.000.000đ (Mười triệu đồng) sung vào ngân sách nhà nước là phù hợp.

[8]. Về biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng:

Căn cứ Điều 46; Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử xử lý như sau:

[8.1] Về biện pháp tư pháp: Đối với số tiền bán ma túy thu lợi bất chính 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) thì buộc bị cáo Cao Minh T nộp lại để sung vào ngân sách Nhà nước.

[8.1] Đối với vật chứng liên quan đến hành vi phạm tội, không có giá trị sử dụng thì tịch thu tiêu hủy.

[8.2] Đối với vật chứng liên quan đến hành vi phạm tội, có giá trị sử dụng thì tịch thu sung vào ngân sách nhà nước.

[8.3] Đối với vật chứng không liên quan đến việc phạm tội thì trả lại cho chủ sở hữu, nhưng tiếp tục quy trữ tạm giữ nhằm đảm bảo cho việc thi hành án.

[8.4] Đối với các loại giấy tờ tùy thân thì trả lại cho các bị cáo sử dụng.

[8.5] Buộc bị cáo Cao Minh T nộp lại số tiền thu lợi bất chính 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) để sung vào ngân sách Nhà nước.

[9]. *Về các vấn đề khác có liên quan đến vụ án:*

[9.1] Đối với các đối tượng tên T1 và B (theo lời khai của các bị cáo T, N) là người có bán ma túy cho các bị cáo, nhưng không xác định được nhân thân lai lịch, Cơ quan điều tra, xác minh làm rõ xử lý sau, nên không đề cập đến;

[9.2] Đối với bà Nguyễn Thị H (mẹ bị cáo N) không biết việc N cất giấu ma túy trong nhà để sử dụng, Cơ quan điều tra, không đề cập xử lý là có căn cứ, nên không đề cập đến.

[10] *Về án phí* : Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[11] *Về quyền kháng cáo*: Các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo luật định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

I. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo **Cao Minh T** phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy” và bị cáo **Hồ Phước N** phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

II. Về hình phạt:

2.1. Căn cứ: Điểm b khoản 3 Điều 251, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017)

Xử phạt: Bị cáo **Cao Minh T: 17 (mười bảy)** năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt 20/3/2022.

2.2. Căn cứ: Điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt: Bị cáo **Hồ Phước N: 03 (ba)** năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt 20/3/2022.

III. Về hình phạt bổ sung: Căn cứ khoản 5 Điều 251 và khoản 5 Điều 249 BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Phạt tiền bổ sung bị cáo Cao Minh T **20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng)** và bị cáo Hồ Phước N **10.000.000đ (Mười triệu đồng)** để sung vào ngân sách Nhà Nước.

IV. Về biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 46, 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự,

4.1. Biện pháp tư pháp: Buộc bị cáo Cao Minh T nộp lại số tiền thu lợi bất chính 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) để sung vào ngân sách Nhà nước.

4.2. Về xử lý vật chứng:

4.2.1. Tịch thu tiêu hủy các vật chứng không có giá trị sử dụng gồm: 02 (hai) mẫu ma túy hoàn trả sau kết luận giám định số: 258 và 260/KL-KTHS ngày 28/3/2023 của Phòng KTHS Công an thành phố Đà Nẵng và toàn bộ vỏ bao gói; 02(hai) cân tiểu ly màu đen, màu trắng; 01(một) bao nilong có KT (9x13) cm bên trong có chứa 10 (mười) bao nilong rỗng; 01(một) hộp được bọc da màu đen bên trong có chứa 01(một) nỏ thủy tinh; 01 (một) ống hút bằng nhựa và 01(một) nắp nhựa màu xanh; 01 (một) bình nhựa màu vàng có gắn ống hút và nỏ thủy tinh và (các sim ĐT số: 0934.808610).

4.2.2. Tịch thu sung vào ngân sách Nhà Nước vật chứng có giá trị sử dụng gồm: 01 (một) điện thoại hiệu NOKIA số Imeil 1: 355776109091468 và số Imeil 2: 355776109591467 của bị cáo Hồ Phước N. (do sử dụng vào việc phạm tội).

4.2.3. Tiếp tục quy trữ tạm giữ 01(một) điện thoại di động hiệu OPPO Reno 3 vỡ màn hình số Imeil 1: 860202042351636 và số Imeil 2: 860202042351628 gắn sim có ký hiệu:8401-2108-5044-6795 (0904.966135) của bị cáo Hồ Phước N và số tiền **4.300.000đ** (Bốn triệu ba trăm ngàn đồng) của bị cáo Cao Minh T để đảm bảo cho việc thi hành án.

4.2.4. Trả lại cho bị cáo Cao Minh T vật chứng gồm: 01(một) Căn cước công dân mang tên Cao Minh T và 01(một) ví da.

(Toàn bộ số vật chứng trên hiện Cục thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng đang tạm giữ theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 30/8/2023 và Giấy nộp tiền vào tài khoản ngày 29/8/2023).

VI. Về án phí: Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án:

Mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

VI. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án.

Nơi nhận:

- VKSND TP Đà Nẵng;
- VKSND CC tại Đà Nẵng;
- Phòng HSNV CATP Đà Nẵng;
- Cục THADS TP Đà Nẵng;
- Trại giam Công an TP Đà Nẵng;
- Sở Tư pháp TP Đà Nẵng;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phan Vĩnh Chuyển

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Thành viên Hội đồng xét xử

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Thành viên Hội đồng xét xử

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- VKSND TP. Đà Nẵng;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- Phòng HSNV- CATPĐN;
- PC 45 - CA TP. Đà Nẵng;
- Cơ quan THAHS – Công an Tp Đà Nẵng;
- Trại giam Hoà Sơn;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Minh Long

